



*Hà nội, ngày 8 tháng 1 năm 2007*

## **BÁO CÁO**

### **TÌNH HÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ (PHẦN TỰ DO HOÁ THƯƠNG MẠI) CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP**

Ngành nông nghiệp hội nhập ngày một sâu, rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới. 10 năm thực hiện AFTA; 3 năm thực hiện AC-FTA; 5 năm thực hiện Hiệp định thương mại Việt - Mỹ (BTA); Sau 11 năm đàm phán, nước ta trở thành thành viên chính thức của WTO vào đầu tháng 1 năm 2007. Hội nhập kinh tế quốc tế nói chung, nhất là gia nhập WTO, một mặt, đem lại những cơ hội về tiếp cận thị trường, mở rộng xuất khẩu, mặt khác, ngành nông nghiệp sẽ phải đối mặt với những thách thức khi thực thi các cam kết về mở cửa thị trường và điều chỉnh chính sách.

#### **I-TÌNH HÌNH CAM KẾT TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP:**

**1) Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA):** Sau 10 năm thực hiện, nước ta đã hoàn thành việc cắt giảm thuế quan (CEPT) đối với 95% số mặt hàng nông sản. Từ 1/1/ 2006, mức thuế nhập khẩu của các loại nông sản bình quân theo CEPT là 3,7%, trừ một số nông sản nhạy cảm (đường ăn, thịt chế biến) sẽ giảm thuế xuống 0-5% vào năm 2010 và một vài sản phẩm thuộc danh mục loại trừ hoàn toàn (thuốc phiện).

**2) Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung quốc (AC-FTA):** Thực hiện theo 2 chương trình: Chung trình thu hoạch sớm (Early harvest Program-EHP) và Chung trình cắt giảm thông thường.

**Chương trình Thu hoạch sớm (EHP):** Thực hiện từ 1/ 1/ 2004 đối với nông sản tu các chương 1-8 (gia súc, gia cầm sống, ca, thịt, sữa, rau quả tươi, sơ chế, hạt, mật ong...). Theo đó, các nước Trung quốc và ASEAN 6 (Bruney, Thái lan, Indonesia, Philipin, Malaysia, Singapore) sẽ giảm thuế xuống 0% vào 1/1/2006; Việt Nam có lịch trình chậm hơn 2 năm (vào 2008); Lào, Myamar năm 2209 và Campuchia sẽ có mốc cắt giảm cuối cùng xuống 0% vào năm 2010. Bình quân thuế 8 chương đầu của Biểu thuế nhập khẩu chung của Việt Nam sẽ giảm từ 18,1 % xuống 0% vào 1/1/2008.

**Chương trình cắt giảm thông thường:** Bắt đầu cắt giảm từ 1/7/ 2005 đối với các hàng hóa còn lại. Theo đó, Trung quốc và ASEAN 6 sẽ hoàn thành việc giảm thuế xuống 0% vào năm 2010; Việt Nam cơ bản giảm xuống 0-5% vào năm 2013 và 0% vào 2015 (trừ một số nông sản trong danh mục nhạy cảm đến 2020 như đường ăn, trứng gia cầm). Bình quân thuế các nông sản còn lại là 27,9 %, cơ bản giảm xuống 0-5% vào năm 2213 và 0% vào năm 2015.

3) **Dang tiếp tục đàm phao các khu vực mậu dịch tự do ASEAN-Han quốc (đã hoàn thành đàm phán), Nhật bản, Ấn độ, Úc va New Zealand:** Các khu vực mậu dịch tự do nay cũng sẽ được hoàn thành trong vong 10 năm tới.

4) **Hiệp định Thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ (BTA):** Nước ta cam kết cắt giảm thuế đối với 195 dòng thuế hàng nông sản (khoảng 18% số dòng thuế hàng nông sản) sau 3 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực (năm 2001). Trải qua 5 năm thực hiện cả hai bên Việt Nam và Hoa Kỳ đều đã thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã cam kết trong Hiệp định.

5) **WTO:** Cam kết WTO về nông nghiệp rất rộng. Ngoai các nguyên tắc chung mà tất cả các ngành kinh tế phải thực hiện như Quy chế tối huệ quốc (MFN), Quy chế đãi ngộ quốc gia (NT), tinh minh bạch, các cam kết trong lĩnh vực nông nghiệp bao gồm:

- + Mở cửa thị trường hàng hoá (cam kkt thuế và loại bỏ hàng rào phi thuế);
- + Chính sách nông nghiệp (hỗ trợ trong nước và trợ cấp xuất khẩu);
- + Chính sách hỗ trợ đối với hàng phi nông nghiệp- Hiệp định trợ cấp (Lâm nghiệp, muối).
- + Cam kết trong lĩnh vực kiểm dịch động thực vật và VSATTP (Hiệp định SPS)
- + Dịch vụ: Các loại hình dịch vụ trong nông nghiệp (thu ý, nông nghiệp, lâm nghiệp), dịch vụ kinh doanh
- + Sở hữu tri tuệ: Tham gia công ước UPOV
- + Đầu tư: Loại bỏ các hạn chế FDI trong nông nghiệp

### 5.1 Các cam kết cụ thể:

#### (1) Mở cửa thị trường hàng hoá:

a) **Cam kết thuế: Quy định chung:** Phải cam kết đối với 100% số dòng thuế hàng nông sản và loại bỏ hàng rào phi thuế. Trong quá trình thực hiện, các nước chỉ được phép áp dụng tối đa bằng mức thuế cam kkt để bảo hộ cho sản xuất trong nước. Trường hợp muốn tăng thuế phải đàm phán lại và thông thường phải đền bù cho nước bị thiệt hại do tăng thuế.

**Cam kết về thuế:** Theo quy định của WTO, các mặt hàng nông sản sẽ bao gồm cả các loại đồ uống, rượu bia và thuốc lá nhưng không tính các loại lâm sản, đồ gỗ, muối - là những mặt hàng thuộc Bộ Nông nghiệp - PTNT đang quản lý. Mức cam kết thuế tại thời điểm gia nhập WTO cho các mặt hàng nông sản bình quân là 25,2%, mức cam kết cuối cùng sẽ 11,21,0%. So với mức thuế MFN bình quân của các mặt hàng nông sản hiện nay là 23,5% thì mức cắt giảm sẽ là 10,6%.

Tuy nhiên, do Việt Nam được áp dụng cơ chế hạn ngạch thuế quan đối với 4 mặt hàng trướng gia cầm, đường mía, lá thuốc lá và muối nên mức cắt giảm chung sẽ khác nhau khi tham chiếu với thuế trong và ngoài hạn ngạch của các mặt hàng này. Mức giảm 10,6% trên là khi so với cam kết thuế ngoài hạn ngạch của các mặt hàng áp dụng hạn ngạch thuế quan và nếu lấy mức thuế trong hạn

ngạch để so sánh thì mức cắt giảm bình quân hàng nông sản sẽ cao hơn, là 20% so với mức MFN hiện hành (từ 23,5 % xuống còn xấp xỉ 20%). Nếu không tính đồ uống, rượu bia và thuốc lá, mức cam kết giảm thuế nông sản là 18,2 % so với mức MFN hiện hành (từ 22% xuống 18%).

Mức độ giảm có sự khác nhau giữa các sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm. Nhưng tổng quát chung là các sản phẩm chế biến có hiện có mức thuế cao 40-50% thì bị yêu cầu giảm nhiều hơn so với nông sản thô. Những nhóm hàng cụ thể phải giảm nhiều hơn là thịt, sữa, rau quả chế biến, thực phẩm chế biến, quả ôn đới (táo, nho, đào, lê, kiwi...) và quả có múi (cam, quýt). Các mặt hàng nông sản thô ta có khả năng xuất khẩu lớn như gạo, cà phê, cao su, hạt tiêu, hạt điều v.v... không giảm hoặc giảm rất ít. Thời gian cắt giảm từ 0 đến 5 năm, tức là sẽ bắt đầu giảm từ năm 2007 và hoàn thành cắt giảm vào các năm 2009 – 2012 tùy theo sản phẩm, với mức giảm bằng nhau cho mỗi năm.

(Xem phụ lục 1a)

**b) Hàng rào phi thuế:** Những hàng rào phi thuế, nhất là các hạn chế định lượng nhập khẩu sẽ bị loại bỏ, trừ các biện pháp dưới đây:

+ **Hạn ngạch thuế quan:** Được áp dụng TRQ cho 4 mặt hàng là trứng gia cầm, đường ăn, lá thuốc lá và muối

+ **Quyền tự vệ đặc biệt (SSG):** Nước ta không được quyền áp dụng SSG cho mặt hàng nông sản nào. Lý do đây là biện pháp quá độ chỉ dành cho các nước thành viên WTO tham gia vòng đàm phán Uruguay. Trong trường hợp khẩn cấp, nước ta chỉ được quyền áp dụng biện pháp tự vệ.

+ **Quản lý xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc diện chuyên ngành chuyên ngành nông nghiệp** (giống cây trồng, giống vật nuôi, thuốc thú y, thuốc BVTV, phân bón, động thực vật hoang dã, quý hiếm, gỗ) như hiện nay là phù hợp, không phải điều chỉnh.

(Xem phụ lục 1b)

## (2) Chính sách nông nghiệp:

**a) Chính sách hỗ trợ trong nước:** *Quy định chung:* Chính sách hỗ trợ nông nghiệp (bao gồm hỗ trợ trong nước và trợ cấp xuất khẩu) được hiểu là những khoản tiền từ ngân sách Nhà nước hoặc các khoản lẽ ra phải đóng nhưng được để lại để hỗ trợ cho ngành nông nghiệp. Chính sách hỗ trợ trong nước là những hỗ trợ chung cho ngành, cho vùng hoặc cho sản phẩm không tính đến yếu tố xuất khẩu. Trợ cấp xuất khẩu là những khoản hỗ trợ nhằm mục đích thúc đẩy xuất khẩu.

Chính sách hỗ trợ trong nước được chia thành 3 nhóm nhỏ tùy theo mức độ tác động bóp méo thương mại làm thay đổi giá cả và số lượng hàng hoá buôn bán so với thị trường bình thường, bao gồm

**Nhóm chính sách “hộp xanh - Green box”:** Là những chính sách không hoặc rất ít có tác dụng bóp méo thương mại; Các chính sách này phải được xây

dựng thành các chương trình có sẵn, với các tiêu chí rõ ràng. Tất cả các nước được tự do áp dụng. Có 11 loại hỗ trợ trong nhóm này.

**Nhóm chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển sản xuất gọi là “Chương trình phát triển”:** Đây là sự ưu đãi đặc biệt và khác biệt (S&D) dành cho các nước đang phát triển được tự do áp dụng. Có 3 loại hỗ trợ trong nhóm này.

**Nhóm chính sách hộp đỏ “Amber box”:** Chủ yếu là những chính sách can thiệp thị trường nông sản như chương trình thu mua can thiệp thị trường của Chính phủ. Các nước sẽ phải cam kết cắt giảm nếu vượt quá mức tối thiểu. *Mức tối thiểu* được quy định bằng:

- + 10% giá trị sản lượng của sản phẩm được hỗ trợ *đối với các nước đang phát triển. 4000 tỷ đồng lưu trữ góp.*
- + 5% giá trị sản lượng của sản phẩm được hỗ trợ *đối với các nước phát triển.*

*Cam kết:* Chính sách hỗ trợ trong nước của ta hầu hết nằm trong các nhóm chính sách “Hộp xanh” và “Chương trình phát triển”. Nhóm chính sách “Hộp đỏ” ở dưới mức tối thiểu. Do vậy, ta cam kết là sẽ thực hiện theo đúng quy định của WTO, nghĩa là được tự do áp dụng các chính sách trong nhóm “hộp xanh”, “Chương trình phát triển; Đối với nhóm “Hộp đỏ”, sẽ sử dụng ở mức tối thiểu (10% giá trị sản lượng nông nghiệp), ngoài ra, còn thêm 4.000 tỷ đồng trong tổng mức hỗ trợ tính gộp (AMS) nữa. Trong quá trình xây dựng và áp dụng các chính sách cụ thể trong nhóm sẽ phải tuân thủ các quy định của WTO đối với từng chính sách như xây dựng thành các chương trình do chính phủ phê duyệt với các tiêu chí rõ ràng, mua bán theo cơ chế thị trường vv...

**(b) Trợ cấp xuất khẩu: Quy định chung:** WTO nghiêm cấm mọi hình thức trợ cấp xuất khẩu nông sản. Nước nào có trợ cấp xuất khẩu thì phải kê khai và cam kết cắt giảm. Hiệp định nêu ra 6 loại trợ cấp xuất khẩu, trong đó, điều khoản S & D dành cho các nước đang phát triển là được phép áp dụng 2 loại trợ cấp, đó là (i) Trợ cấp tiếp thị xuất khẩu; (ii) Trợ cước phí vận chuyển trong nước và quốc tế đối với hàng xuất khẩu.

*Cam kết:* Nước ta đã cam kết bỏ trợ cấp xuất khẩu ngay khi gia nhập WTO, nhưng bảo lưu được quyền áp dụng điều khoản S & D dành cho các nước đang phát triển trong lĩnh vực này, nghĩa là là được phép áp dụng 2 loại trợ cấp nêu trên.

(xem phụ lục 2)

**(3) Chính sách trợ cấp đối với hàng phi nông nghiệp (Lâm nghiệp, muối):**

*Quy định chung:* Có 3 loại trợ cấp bao gồm:

(1) Loại trợ cấp bị cấm- đèn đỏ: là loại trợ cấp căn cứ vào kết quả thực hiện XK và Ưu tiên sử dụng hàng nội địa hơn hàng ngoại.

(2) Những loại trợ cấp có thể bị đối kháng - đèn vàng: có thể được áp dụng nhưng có khả năng bị đánh thuế đối kháng nếu ảnh hưởng đến nước khác.

(3) Những trợ cấp không thể bị đối kháng- đèn xanh: được áp dụng.

*Cam kết:* Sẽ không áp dụng loại trợ cấp bị cấm ngay khi gia nhập.

(xem phụ lục 3).

#### **(4) Hiệp định SPS:**

*Quy định chung:* WTO cho phép áp dụng các biện pháp SPS ở mức cần thiết để bảo vệ sức khoẻ con người, động thực vật và môi trường. Không được áp dụng các biện pháp quá mức cần thiết nhằm ngăn cản thương mại, bảo hộ cho sản xuất trong nước. Các nội dung chính là khuyến khích các nước áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, khu vực; hài hoà hoá các thủ tục, quy định; trong trường hợp áp dụng cao hơn thì phải dựa trên cơ sở không phân biệt đối xử và có bằng chứng khoa học; Các nước thiết lập Văn phòng thông báo và điểm hỏi đáp quốc gia về SPS; Xây dựng kế hoạch hành động thực thi Hiệp định.

*Cam kết:* Nước ta cam kết sẽ thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của Hiệp định này ngay khi gia nhập. Với tư cách là nước đang phát triển, ta yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật để thực thi Hiệp định.

(xem phụ lục 4)

#### **(5) Dịch vụ:**

*Quy định chung:* Có 4 phương thức cung cấp dịch vụ: (1) Cung cấp qua biên giới; (2) Tiêu dùng ở nước ngoài; (3) Hiện diện thương mại; (4) Hiện diện thể nhân. Sau đây gọi tắt là các Mode 1,2, 3, 4.

Nội dung cam kết:

+ Hạn chế về tiếp cận thị trường

+ Hạn chế về đối xử quốc gia

Ta đã cam kết trong các lĩnh vực Dịch vụ thú y, dịch vụ liên quan đến nông nghiệp, sản bản và lâm nghiệp.

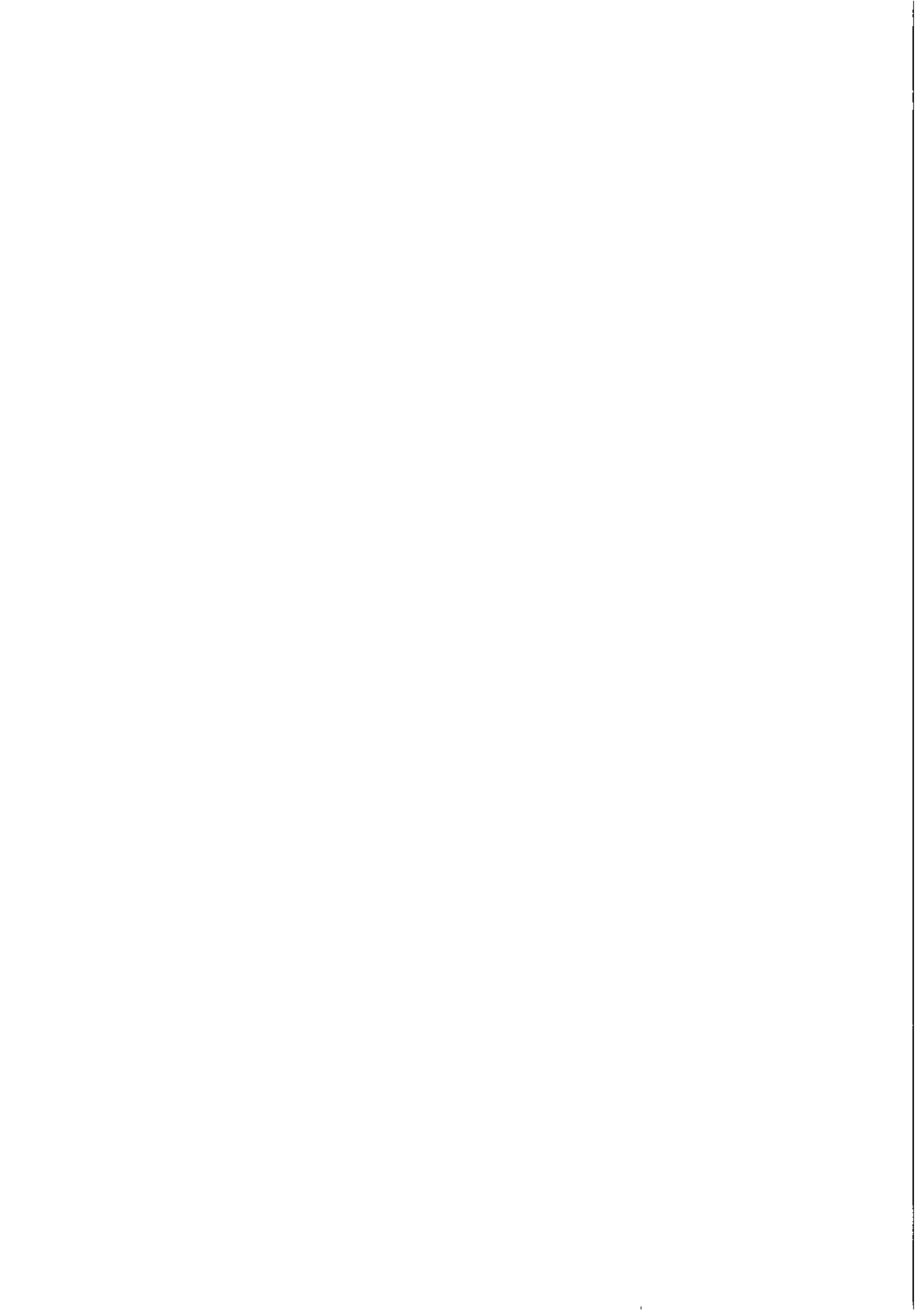
Nhìn chung, ta đã không hạn chế ở các mode 1,2. Mode 3 cam kết ở mức độ nhất định; Mode 4 chưa cam kết.

(xem phụ lục 5).

**b) Quyền kinh doanh XNK:** Các doanh nghiệp nước ngoài được quyền kinh doanh (xuất nhập khẩu) các mặt hàng nông sản từ khi gia nhập WTO, trừ xuất khẩu gạo đến năm 2011.

**4.6) Sở hữu trí tuệ:** Cam kết tham gia Công ước Rome và Liên hiệp quốc về bảo hộ giống cây trồng mới (UPOV)

**4.7) Đầu tư:** Việt nam đã cam kết loại bỏ các hạn chế FDI trong nông nghiệp như yêu cầu phải phát triển nguồn nguyên liệu trong nước đối với một số ngành hàng như mía đường, chế biến sữa, chế biến gỗ.



## II - ĐÁNH GIÁ CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP:

### 1) Cơ hội:

*Tiếp cận thị trường:* Tham gia các Hiệp định tự do hoá khu vực, các nước Trung quốc và ASEAN 6 sẽ mở cửa thị trường sớm hơn sẽ tạo điều kiện cho hàng hoá nước ta xâm nhập các thị trường rộng lớn của AFTA với 550 triệu dân và AC-FTA với 1,7 tỷ dân.

Với WTO: được hưởng mức thuế MFN của 149 nước thành viên, chiếm trên 95% khối lượng và giá trị thương mại thế giới sẽ tạo điều kiện mở rộng thị trường cho nông lâm sản xuất khẩu của nước ta. Phù hợp với mục tiêu chiến lược của ngành nông nghiệp trong những năm tới là phát triển một nền nông nghiệp bền vững, có khả năng cạnh tranh và hướng ra xuất khẩu.

*Cam kết về hệ thống chính sách đối với nông nghiệp:* Hệ thống pháp lý sẽ được điều chỉnh theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế sẽ tạo ra môi trường kinh doanh trong nước bình đẳng, khuyến khích được mọi thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ tham gia đầu tư vào ngành nông nghiệp. Thu hút được nhiều nhà đầu tư, thương mại nước ngoài kinh doanh trong ngành nông nghiệp.

Các cam kết sẽ tạo sức ép khá lớn cho các nhà sản xuất, kinh doanh hàng nông sản trong nước, buộc họ năng động hơn trong sản xuất, kinh doanh theo hướng phát huy lợi thế cạnh tranh hoặc phải áp dụng các tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Đây vừa là thách thức vừa là động lực để mọi thành phần kinh tế trong ngành nông nghiệp vươn lên trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

*Giải quyết tranh chấp thương mại:* WTO là diễn đàn đấu tranh lại các đòi hỏi bất công trong thương mại.

*Những cam kết về thực hiện Hiệp định SPS, UPOV:* Thực hiện được sẽ tạo điều kiện nâng cao chất lượng, lòng tin đối với hàng hoá nông sản của nước ta ở cả thị trường trong nước và quốc tế. Các biện pháp SPS là biện pháp bảo vệ hữu hiệu khỏi những nông sản chất lượng thấp, mất vệ sinh an toàn thực phẩm và nguy cơ gây hại xâm nhập thị trường nước ta có khả năng làm ảnh hưởng, nguy hại đến SX trong nước.

### 2) Về thách thức:

*Mở cửa thị trường trong nước:* Do trình độ phát triển nông nghiệp nhìn chung còn thấp, quy mô sản xuất theo hộ gia đình nhỏ bé, manh mún (0,8 ha đất nông nghiệp/hộ) nên năng suất lao động rất thấp, chất lượng nông sản hàng hoá thấp, không đồng đều là một thách thức rất lớn đối với cả thị trường trong nước và xuất khẩu. Trong khi đó, những cam kết về mở cửa thị trường hoàn toàn đối với khu vực và ở một mức độ nhất định trong WTO sẽ là những thách thức lớn đối với những ngành hàng có khả năng cạnh tranh còn thấp như mía đường, sữa, bông, thuốc lá, chăn nuôi, rau quả.





Tác động của các loại cam kết sẽ có mức độ khác nhau đối với mỗi ngành hàng. Ví dụ, ngành mía đường sẽ chịu tác động mạnh nhất từ AFTA do phải mở cửa thị trường vào năm 2010 cho đối thủ Thái lan, nước xuất khẩu đường lớn thứ 3 thế giới. Rau quả sẽ chịu ảnh hưởng nhiều nhất từ AC-FTA. Từ một nước xuất siêu rau quả sang Trung quốc những năm trước đây, sau 3 năm thực hiện Chương trình thu hoạch sớm (EHP), nước ta đã trở thành nước nhập siêu rau quả từ TQ.

Thương mại rau quả giữa Việt Nam và Trung Quốc giai đoạn 2001-2005

ĐV: triệu USD

	2001	2002	2003	2004	2005
XK sang TQ	142,8	121,5	67,1	25,0	34,9
NK từ TQ	31,0	75,4	46,8	52,8	80,2

Chăn nuôi (thịt lợn, thịt bò, sữa) sẽ chịu tác động của cam kết WTO nhiều nhất với các đối thủ là Newzealand, Úc, Mỹ, Brazil, EU vv...

Có thể nói, trước sức ép của tự do hoá thương mại, sẽ không làm mất đi một ngành, nhưng sẽ có một số doanh nghiệp, bộ phận dân cư sẽ gặp khó khăn hơn, thậm trí phải chuyển đổi sang ngành khác, sản phẩm khác.

- *Điều chỉnh chính sách (hỗ trợ trong nước và trợ cấp xuất khẩu)*: Nước ta sẽ không gặp khó khăn lớn về mức độ cam kết trong chính sách. Nhưng khó khăn nhất là thực thi việc điều chỉnh chính sách trong nước cho phù hợp với WTO. Chính sách nông nghiệp hiện nay của ta có những điểm chưa phù hợp với WTO. Ví dụ, các chính sách trong nhóm "hộp đỏ" thường mang tính giải quyết tình thế; chưa được XD thành chương trình sẵn; và thường trợ cấp chủ yếu cho doanh nghiệp, nhất là DN nhà nước. Trong khi WTO quy định là phải xây dựng thành các chương trình với các tiêu chí rõ ràng và đối tượng được hưởng hỗ trợ là nông dân. Để chuyển đổi được các chính sách này đòi hỏi phải có thời gian và nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý và lập chính sách.

- Thực hiện hiệp định SPS: Hầu hết các tiêu chuẩn chất lượng và các biện pháp vệ sinh thực phẩm, thú y, BVTV của ta đều thấp hơn so tiêu chuẩn quốc tế. Phải tập trung xây dựng, hoặc hài hoà hoá với các tiêu chuẩn, quy định của quốc tế, khu vực. Xây dựng và triển khai các quy trình đánh giá nguy cơ dịch bệnh, ký kết các Hiệp định về thú y, BVTV vv... Tất cả các vấn đề trên đòi hỏi phải có sự đầu tư nâng cao năng lực của cả ngành (cơ sở vật chất, con người và kinh phí) không phải một sớm một chiều có thể khắc phục được.

Có thể nói, cơ hội và thách thức đan xen nhau. Nếu chúng ta phát huy nội lực, điều chỉnh chính sách, phương án sản xuất kinh doanh phù hợp, huy động được sức dân thì cơ hội sẽ nhiều hơn.

### III - ĐỊNH HƯỚNG ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

#### 1) Yêu cầu sửa đổi, điều chỉnh chính sách hiện hành:

Để thực thi các cam kết về không trợ cấp xuất khẩu ngay khi gia nhập WTO, ta sẽ phải sửa đổi và điều chỉnh một số chính sách hiện hành như sau:

- Quyết định 195 của TTCP về Quỹ hỗ trợ xuất khẩu

- Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng: Điều chỉnh 2 trong tổng số 7 nội dung chính sách của quyết định này là:

- + Hỗ trợ tín dụng từ Quỹ hỗ trợ phát triển cho các dự án đầu tư lớn, chế biến hàng xuất khẩu.

- + Quỹ hỗ trợ xuất khẩu cho các doanh nghiệp có hợp đồng tiêu thụ để xuất khẩu.

Những nội dung hỗ trợ liên quan đến xuất khẩu của 3 Quyết định trên cần được điều chỉnh theo hướng bỏ các trợ cấp không phù hợp, chuyển sang các hình thức trợ cấp mà WTO cho phép áp dụng như hỗ trợ tiếp thị, thông tin, tư vấn thị trường, ưu đãi cước phí vận tải đối với hàng xuất khẩu.

- Nhóm chính sách hỗ trợ can thiệp thị trường nông sản (hộp đỏ) và thúc đẩy xuất khẩu: Các chính sách của ta thường được ban hành dưới dạng các quyết định cụ thể và có hiệu lực trong một thời gian nhất định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc của một số Bộ được uỷ quyền. Do vậy, không thể liệt kê được các chính sách, biện pháp cần điều chỉnh. Trong thời gian tới, *nước ta cần xây dựng thành chương trình thu mua nông sản can thiệp thị trường có sẵn để khi cần thiết thì sẽ sử dụng*. Căn cứ vào quy định cụ thể của WTO cho mỗi loại chính sách để xây dựng và thực thi chính sách cho phù hợp.

**2) Đề xuất các chính sách nhằm tiếp tục hỗ trợ cho nông nghiệp và phát triển nông thôn:**

Cần phải khẳng định rằng, lợi thế của nông nghiệp và nông thôn sẽ ngày càng giảm dần trong quá trình phát triển kinh tế. Tham gia tự do hoá thương mại khu vực, gia nhập WTO sẽ có tác động rất lớn đến nông nghiệp và nông thôn, nhất là bộ phận dân nghèo và các vùng khó khăn. Nhu cầu hỗ trợ cho nông nghiệp và nông thôn ngày càng tăng. Đây là lúc Nhà nước cần tăng cường điều chỉnh các chính sách để hỗ trợ cho nông nghiệp và nông thôn một cách cơ bản hơn. Những chính sách đó làm sao cho người nông dân, những vùng khó khăn được hưởng lợi trực tiếp và nhiều hơn. Điều đó hoàn toàn phù hợp với quy định của WTO. Trên tinh thần đó, Nhà nước hỗ trợ nông nghiệp qua các nhóm chính sách sau đây:

- **Tăng cường đầu tư, hỗ trợ cho nông nghiệp theo các nhóm chính sách đã ban hành và phù hợp với WTO (hộp xanh, Chương trình phát triển) :**

- + Nghiên cứu khoa học kỹ thuật, đào tạo, khuyến nông, xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, chương trình giống cây trồng, giống vật nuôi, chương trình công nghệ sinh học, hỗ trợ giảm nhẹ thiên tai;

+ Hỗ trợ đầu tư (ưu đãi đầu tư) cho một số ngành hàng; hỗ trợ các vùng chuyển đổi cây thuốc phiện;

+ Tăng cường đầu tư cho ngành BVTV, thú y, kinh phí phòng chống, kiểm soát dịch bệnh;

+ Các chính sách ngành hàng: Trên cơ sở phân tích khả năng cạnh tranh của các ngành hàng để xây dựng chiến lược phát triển ngành hàng trong bối cảnh hội nhập. Theo đó, đối với những ngành hàng ít có lợi thế cạnh tranh, kiên quyết chỉ đạo chỉ phát triển ở những nơi có lợi thế và hỗ trợ theo các nhóm chính sách nhằm nâng cao năng suất, chất lượng là chính.

#### **- Ban hành các chính sách mới:**

+ Chính sách hỗ trợ nhằm bảo hiểm rủi ro thiên tai cho nông nghiệp;

+ Xây dựng các chương trình tổng thể hỗ trợ các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa phát triển nông nghiệp, nông thôn (Tây nguyên, Trung du, miền núi phía Bắc, ĐBSCL vv...).

+ Xây dựng thành chương trình quốc gia hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp: do đầu tư trong nông nghiệp phụ thuộc vào mùa vụ, thời tiết, vùng nguyên liệu nên hiệu suất sử dụng công suất thấp, thu hồi vốn chậm. Cần hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp trồng cây lâu năm, xây dựng nhà máy bảo quản, chế biến nông lâm sản...) với các chính sách tín dụng ưu đãi để khuyến khích công nghiệp chế biến, bảo quản. Chính sách này hoàn toàn được phép áp dụng trong nhóm chính sách chương trình phát triển và tạo sự bình đẳng giữa các ngành hàng.

+ Nhóm "Hộp đỏ": Xây dựng thành chương trình thu mua nông sản can thiệp thị trường những khi giá nông sản xuống quá thấp.

+ Trợ cấp xuất khẩu: Chuyển đổi hình thức hỗ trợ xuất khẩu bị cấm (thường, bù lỗ xuất khẩu) sang các hình thức hỗ trợ xúc tiến thương mại, ưu đãi cước phí vận tải cho hàng xuất khẩu. Hỗ trợ xúc tiến thương mại cần làm thường xuyên, nhưng hỗ trợ cước phí vận tải chỉ áp dụng khi thật cần thiết.

#### **3) Tăng cường năng lực và tổ chức thực hiện:**

+ WTO là lĩnh vực mới, cần đẩy mạnh công tác phổ biến các cam kết rộng rãi trong ngành nông nghiệp nhằm tạo ra sự hiểu biết và xây dựng kế hoạch hành động của các ngành các cấp và người dân. (phụ biểu đính kèm).

+ Tăng cường năng lực cơ quan quản lý Nhà nước ở TW và địa phương để thực thi các Hiệp định Nông nghiệp và SPS trong việc hoạch định chính sách, quản lý và thực thi chính sách.

+ Cùng cố tổ chức ở cấp Bộ, các Sở Nông nghiệp và PTNT để theo dõi và triển khai các cam kết WTO, cam kết tự do hoá thương mại khu vực để có thể thực thi một số công cụ bảo vệ sản xuất trong nước trong trường hợp cần thiết (biện pháp SPS, tự vệ, chống bán phá giá, giải quyết tranh chấp...). Có kế hoạch bố trí cán bộ của Bộ tại Geneve, tham gia đàm phán tại vòng Doha, triển khai điều chỉnh, hoạch định chính sách.

+ Trong quá trình xây dựng và thực thi các chính sách, các cơ quan được giao nhiệm vụ cần quán triệt các nguyên tắc cơ bản của WTO là không phân biệt đối xử, minh bạch. Theo đó, khi xây dựng chính sách cần phải làm rõ các câu hỏi như: đối tượng phục vụ, phù hợp với WTO, không phân biệt đối xử, thông báo xin ý kiến trước khi ban hành vv...

#### **4) Đối với Hiệp hội ngành hàng, Doanh nghiệp và nông dân**

Trong quá trình hội nhập, sự can thiệp của Nhà nước đối với các ngành sản xuất giảm dần, vai trò của các Hiệp hội tăng lên để tập hợp sự sức mạnh của các doanh nghiệp, giúp đỡ các doanh nghiệp trong các vụ kiện, hoạt động XTTM vv... Nhà nước sẽ chuyển các hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp sang các loại hỗ trợ thông qua Hiệp hội (CT XTTM). Do vậy, đề nghị tăng cường năng lực Hiệp hội và các doanh nghiệp tham gia tích cực Hiệp hội.

Khi xuất khẩu, doanh nghiệp cần tìm hiểu quy định, luật pháp của các nước NK. Nếu có sự cản trở, đối xử không công bằng hoặc khó khăn trở ngại gì đối với hàng hoá và doanh nghiệp của ta thì nên báo cho các cơ quan Nhà nước để đàm phán can thiệp.

Nếu thấy hàng nhập khẩu tràn vào quá nhiều, gây ảnh hưởng đến sản xuất trong nước thì thông báo kịp thời đến các cơ quan Nhà nước để nghiên cứu hình thức bảo hộ.

Đối với nông dân, cần tham gia tích cực các lớp tập huấn áp dụng TBKT nhằm nâng cao sức năng suất, chất lượng nông sản. Hợp tác, liên kết với nhau thông qua HTX, Hiệp hội, liên kết 4 nhà.

Kinh nghiệm các năm qua cho thấy, cải cách kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế đem lại thế và lực mới cho nông nghiệp nước ta. Từ một nước thiếu đói lương thực thực phẩm triền miên, nước ta đã đáp ứng về cơ bản nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu ngày một tăng. Kim ngạch xuất khẩu nông lâm sản năm 2006 đạt gần 7,2 tỷ USD, chiếm 18,1% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Nhiều nông sản của ta có vị thế khá quan trọng trên thị trường thế giới như hạt tiêu, hạt điều, gạo, cà phê, cao su, chè, đồ gỗ vv... Bên cạnh đó, nông nghiệp nước ta còn gặp nhiều khó khăn, thách thức từ bản thân nội tại ngành nông nghiệp và những thách thức từ quá trình tự do hoá thương mại đem lại. Để vượt qua khó khăn, thách thức, đòi hỏi mỗi cấp, mỗi đơn vị và mỗi người dân phải phấn đấu không ngừng và đổi mới tư duy trong sản xuất, kinh doanh. Với sự hỗ trợ tích cực của Chính phủ, sự năng động, sáng tạo của các cơ quan đơn vị (Bộ Nông nghiệp và PTNT, các địa phương, Hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp) và người nông dân, hy vọng rằng ngành nông nghiệp nước ta tiếp tục phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập.

#### **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**Phụ lục 1a**  
**CAM KẾT THUẾ HÀNG NÔNG SẢN TRONG WTO**

**Thuế MFN hàng nông sản hiện hành, bình quân là: 23,5 %.** Mức cam kết giảm bình quân 10,6% theo thuế ngoài hạn ngạch và 20,0% tính theo thuế trong hạn ngạch.

**Các nhóm hàng cụ thể**

Nhóm mặt hàng	MFN hiện hành	Thuế suất cam kết cuối cùng trong WTO	Mức độ cắt giảm so với MFN (%)	Thời gian hoàn thành cắt giảm	Ghi chú
I - Sản phẩm chăn nuôi					
1 - Động vật sống	3.41	3.41	0		
2 - Thịt các loại	17.61	17.45		2012	Trong đó, thịt bò không xương giảm từ 20 xuống 14%
Trong đó: Thịt trâu, bò	20.0	19.7	2	2012	
Thịt lợn	30.0	20.0	33	2012	Trong đó, thịt lợn cấp đông giảm từ 30 xuống 15%
Thịt gia cầm	18.8	28.33			Tăng 50,6% so với MFN
3 - Sữa và các sản phẩm từ sữa;	20.9	17.8	15		
4 - Trứng gia cầm	40.0	40.0	0		Trứng giống: 0%; Thuế ngoài hạn ngạch: 80%
II - Sản phẩm trồng trọt					
1 - Gạo	40.0	40.0			Thóc giống: 0%
2 - Ngô hạt	5.0	5.0			Ngô giống: 0%
3 - Đậu tương	5.0	5.0			Đậu tương giống: 0%
4 - Lạc, vừng	10.0	10.0			Các loại giống: 0%
5 - Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được	19.9	17.4	13	2010	
6 - Quả các loại					
Trong đó: hạt điều	38.3	29.1	26	2010	
7 - Cà phê nhân	20.0	20.0			
8 - Cà phê đã chế biến	50.0	30.0	40	2011	

9 - Chè	50.0	40.0	20	2010	
10 - Hạt tiêu	30.0	20.0	33	2010	
11 - Đường thô	30	25	17	2010	Thuế ngoài hạn ngạch 85%
12 - Đường tinh	40	60			Thuế ngoài hạn ngạch 85%
13 - Rau quả chế biến	41.12	33.75	18	2010	
14 - Thức ăn gia súc đã chế biến	5.7	7.1			Tám, cảm phế liệu: 10%;
Trong đó: Thức ăn hỗn hợp	10.0	7.0	30	2010	
15 - Bông xơ	0.0	0.0			
16 - Muối ăn	30.0	30.0			Ngoài hạn ngạch:60%
Muối công nghiệp	15	15			Thuế ngoài hạn ngạch: 50
17 - Cao su					
18 - Gỗ nguyên liệu	5.17	3.85	25.5	2010	
19 - Sản phẩm mây tre đan	38.18	20	47		
20 - Đồ nội thất	35.6	19.4	46.0	2012	

**Phụ lục Ib**  
**Hạn ngạch thuế quan**

Mặt hàng	Mức HN ban đầu	Mức thuế (%)		Ghi chú
		Trong HN	Ngoài HN	
1 - Trứng gia cầm (trừ trứng giống)	30.000 tá	40	80	Mức tăng hạn ngạch 5%/ năm.
2 - Đường	55.000 T			Mức tăng hạn ngạch 5%/ năm.
+Đường thô		25	85	Giảm thuế từ 30% xuống 25% vào năm 2009.
+ Đường t.luyện		60 (đường củ cải 50%)	85	
3 - Thuốc lá lá	31.000 T	30 (cọng thuốc lá là 15%).	80-90	Mức tăng hạn ngạch 5%/ năm.
4 - Muối	150.000 T			Mức tăng hạn ngạch 5%/ năm.
+ Muối ăn		30	60	
+ Muối Công nghiệp		15	50	

**Phụ lục 2**  
**Quy định của WTO về Chính sách Nông nghiệp**

**I- Chính sách hỗ trợ trong nước:** Là các khoản hỗ trợ chung cho nông nghiệp hay cho một số ngành hàng sản phẩm hay một số vùng cụ thể, không tính đến yếu tố xuất khẩu.

**1) Nhóm chính sách “Hộp xanh”:** Là những chính sách không hoặc rất ít có tác dụng làm bóp méo thương mại. Các chính sách này phải được xây dựng thành chương trình sẵn của Chính phủ, có các tiêu chí rõ ràng để áp dụng. Các nước được tự do áp dụng nhóm chính sách này, không phải cam kết cắt giảm.

STT	Nội dung chính sách	Quy định chi tiết	Ghi chú
1	<b>Dịch vụ chung:</b> Kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học, đào tạo, khuyến nông, xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, kiểm soát dịch bệnh cây trồng, vật nuôi.		
2	<b>Dự trữ an ninh lương thực quốc gia:</b> Kinh phí dành cho dự trữ LTTP QG vì mục đích an ninh lương thực.	Phải mua bán theo cơ chế thị trường.	
3	Trợ cấp lương thực, thực phẩm cho người trong vùng thiên tai và người nghèo đói.		
4	Hỗ trợ giảm nhẹ thiên tai: Các khoản hỗ trợ nhằm khắc phục và phục hồi SX NN trong vùng bị thiên tai (giống, thuốc BVTV, thuốc thú y, san ủi lại đồng ruộng vv...)		
5	Trợ cấp thu nhập cho người có mức thu nhập dưới mức tối thiểu của Nhà nước quy định.	Ban hành chuẩn thu nhập tối thiểu. Ai dưới mức tối thiểu được hỗ trợ.	
6	Chương trình an toàn và bảo hiểm thu nhập cho nông dân	Được phép hỗ trợ bằng 70% số thu nhập bị hụt so với mức	Mức hỗ trợ theo hai loại 4 và 6 cộng lại không được vượt



		bình quân 3 năm cơ sở.	quá mức thu nhập bình quân 3 năm cơ sở.
7	Trợ cấp chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp thông qua chương trình trợ giúp nông dân nghỉ hưu.	Nông dân khi nghỉ hưu gặp khó khăn được trợ cấp.	
8	Trợ cấp chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp thông qua chương trình chuyển đất sang sử dụng vào mục đích khác	Chuyển từ trồng cây nông nghiệp sang cây lâm nghiệp hoặc thủy sản.	
9	Trợ cấp chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp thông qua chương trình hỗ trợ đầu tư	Chuyển dịch trong nội bộ ngành nông nghiệp.	
10	Chương trình môi trường	Đề đáp ứng yêu cầu môi trường, chi phí sản xuất nông nghiệp phải tăng thêm hoặc sản lượng giảm đi, thì được hỗ trợ khoan phát sinh đó cho người nông dân.	
11	Chương trình trợ giúp các vùng khó khăn, kém phát triển	Phải xây dựng các tiêu chí rõ ràng về vùng khó khăn, kém phát triển. Phải XD thành chương trình hỗ trợ cụ thể được phê duyệt.	
12	Chương trình khác.	Nếu đáp ứng được tiêu chí Hộp xanh.	

2) Các chính sách hỗ trợ khuyến khích sản xuất gọi là “Chương trình phát triển”: Các nước đang phát triển được phép áp dụng, không phải cam kết cắt giảm:

STT	Nội dung chính sách	Quy định chi tiết	Ghi chú
1	Trợ cấp đầu tư cho nông nghiệp		
2	Trợ cấp “đầu vào” của SX NN dành cho người nghèo, có thu nhập thấp hoặc nông dân ở các vùng khó khăn.		Các hình thức phổ biến như cho không giống, phân bón vv...
3	Hỗ trợ để chuyển đổi cây thuốc phiện sang cây khác		

3) Các chính sách hộp đồ “Amber box”: *Nhóm chính sách này phải cam kết cắt giảm nếu vượt quá mức tối thiểu.*

*Mức tối thiểu là bằng 10% giá trị sản lượng của sản phẩm được hỗ trợ đối với các nước đang phát triển (các nước phát triển là 5%).*

STT	Nội dung chính sách	Quy định chi tiết	Ghi chú
1	Chương trình thu mua can thiệp thị trường nông sản của Chính phủ.	Được phép hỗ trợ bằng 10% giá trị sản lượng của SP đó. Vượt quá phải cam kết cắt giảm.	Nước ta cam kết sẽ sử dụng hộp đồ ở mức tối thiểu cho cả 2 loại.
2	Các hình thức hỗ trợ khác không theo sản phẩm cụ thể.	Được phép hỗ trợ bằng 10% giá trị sản lượng của ngành nông nghiệp. Vượt quá phải cam kết cắt giảm.	

**II – Chính sách trợ cấp XK:** Tất cả các hình thức hỗ trợ có gắn với tiêu chí xuất khẩu.

**WTO quy định:** Nghiên cứu mọi hình thức trợ cấp XK. Nếu nước nào có trợ cấp thì phải cam kết cắt giảm.

**Nước ta cam kết:** Không trợ cấp XK ngay khi gia nhập WTO. Nhưng, bảo lưu được quyền sử dụng 2 loại trợ cấp mà các nước ĐPT được phép áp dụng.

<b>STT</b>	<b>Nội dung chính sách</b>	<b>Quy định chi tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Trợ cấp trực tiếp cho người sản xuất hàng xuất khẩu		
2	Bán thanh lý hàng nông sản dự trữ cho xuất khẩu với giá rẻ hơn.		
3	Tài trợ các khoản chi trả cho xuất khẩu, kể cả phần được tài trợ từ nguồn thu thuế, các khoản được để lại.		
4	Trợ cấp cho nông sản dựa theo tỷ lệ xuất khẩu		
5	Trợ cấp để giảm chi phí tiếp thị, kể cả chi phí xử lý, nâng cấp, tái chế sản phẩm, chi phí vận tải quốc tế, cước phí vận chuyển.	Trong giai đoạn thực hiện, các nước đang phát triển được phép áp dụng 2 loại trợ cấp 5 và 6	Nước ta được phép áp dụng
6	Ưu đãi về cước phí vận tải trong nước và quốc tế đối với hàng xuất khẩu hơn hàng nội địa.		Nước ta được phép áp dụng

**Phụ lục 3**  
**Các cam kết về dịch vụ Nông nghiệp**

Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới; (2) Tiêu dùng ở nước ngoài; (3) hiện diện thương mại; (4) Hiện diện thể nhân			
<b>Ngành và phân ngành</b> Dịch vụ thú y (CPC 932)	<b>Hạn chế về tiếp cận thị trường</b>	<b>Hạn chế về đối xử quốc gia</b>	<b>Cam kết bổ sung</b>
	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Chỉ dành quyền tiếp cận thị trường cho thể nhân cung cấp dịch vụ chuyên môn với tư cách cá nhân, sau khi đã được phép của cơ quan quản lý về thú y. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	
Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp, săn bắn và lâm nghiệp	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế, ngoại trừ: chỉ cho phép lập liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh. Phần góp vốn của phía nước ngoài không vượt quá 51% vốn pháp định của liên doanh. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế, ngoại trừ: Việc tiếp cận một số khu vực địa lý nhất định có thể bị hạn chế (*) (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	

(\*) ghi chú: Không cam kết đối với các dịch vụ điều tra, đánh giá, và khai thác rừng tự nhiên, bao gồm gỗ và săn bắn, đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, dịch vụ chụp ảnh hàng không, gieo hạt phun thuốc hoá chất bằng máy bay, quản lý quỹ gien cây trồng vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp.

## Phụ lục: 3

# TÓM TẮT HIỆP ĐỊNH VỀ TRỢ CẤP VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG (dành cho lĩnh vực lâm nghiệp, muối)

### Phần I: Giới thiệu tổng quát HDNN

Hiệp định có 11 phần 32 điều, 7 phụ lục

#### 1) Định nghĩa trợ cấp

Các hình thức trợ cấp gồm:

+ Đóng góp tài chính của CP, các khoản phải thu được để lại, CP nhận nợ, Cung cấp hàng hoá hay dịch vụ (không phải là hạ tầng cơ sở chung); CP góp tiền vào cơ chế tài trợ

+ Bất kể hình thức hỗ trợ thu nhập hoặc trợ giá và một lợi ích được cấp bởi điều đó

#### 2) Phân biệt thế nào là trợ cấp:

+ Nếu cơ quan trợ cấp hay pháp luật xác định cụ thể diện các doanh nghiệp được hưởng trợ cấp thì coi là trợ cấp

+ Nếu chỉ đặt ra các tiêu chuẩn khách quan hoặc điều kiện để được trợ cấp thì không coi là trợ cấp.

+ Ngoài 2 mục trên còn có thể xem xét thêm một số yếu tố khác như số lượng các doanh nghiệp được hưởng trợ cấp nhiều hơn các doanh nghiệp khác hoặc áp dụng một cách tùy tiện.

#### 3) Những trợ cấp bị cấm:

+ Căn cứ vào kết quả thực hiện XK

+ Ưu tiên sử dụng hàng nội địa hơn hàng ngoại

#### 4) Những loại trợ cấp có thể bị đối kháng:

##### a) Tác động xấu

Không được áp dụng các hình thức hỗ trợ tại điều 1 làm tổn hại đến quyền lợi của các thành viên khác

Làm vô hiệu hoá quyền lợi của thành viên khác.

##### b) Tổn hại nghiêm trọng khi:

+ Tổng trợ cấp vượt quá 5% của sản phẩm

+ Trợ cấp bù cho sự thua lỗ kéo dài trong hoạt động kinh doanh của một ngành SX

+ Trợ cấp bù các khoản thua lỗ của 1 doanh nghiệp, trừ khi hỗ trợ một lần để cho phép có thời gian tìm kiếm giải pháp lâu dài và giải quyết vấn đề xã hội

+ Trực tiếp xoá nợ hay cấp kinh phí để thanh toán nợ

Nhưng nếu nước áp dụng chứng minh được các trợ cấp trên không dẫn đến bất kỳ tác động nào thì không coi là có tổn hại nghiêm trọng.

Điều 7: Các chế tài

### **5) Những trợ cấp không thể bị đối kháng:**

Những trợ cấp không mang tính riêng biệt như điều 2

Những trợ cấp dưới đây:

+ Hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu của các hãng hoặc các cơ sở đào tạo nghiên cứu nếu mức hỗ trợ không vượt quá 75% chi phí nghiên cứu công nghiệp hoặc 50% cho phí phát triển sản phẩm tiên cạnh tranh. Các trợ cấp đó giới hạn trong: chi phí nhân sự, chi phí công cụ, trang thiết bị, đất đai, nhà cửa, chi phí tư vấn, chi phí bỏ sung phần phụ trội, chi phí điều hành khác).

+ Trợ giúp các vùng khó khăn

+ Hỗ trợ nhằm nâng cấp những phương tiện hạ tầng hiện có phù hợp với yêu cầu mới về môi trường

**Phụ lục:**  
**KHU VỰC MẬU DỊCH TỰ DO ASEAN - TRUNG QUỐC (ACFTA)**

Hội nghị thương định ASEAN lần thứ 5 tại Brunei, tháng 1/ 2001 thống nhất:

- Thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung quốc (AC-FTA) trong vòng 10 năm.

- Có cơ chế đặc biệt và khác biệt dành cho các nước thành viên ASEAN mới (CLMV).

Hiệp định Khung về hợp tác toàn diện ASEAN – Trung quốc ký vào ngày 4/ 11/ 2002 tại Campuchia, với các lĩnh vực: Thương mại hàng hoá, Thương mại dịch vụ, Đầu tư.

Bắt đầu sớm nhất là phần thương mại hàng hoá với chương trình thu hoạch sớm (Early harvest Program-EHP).

**1. Chương trình EHP:** Thực hiện từ 1/ 1/ 2004 đối với nông sản từ các chương 1-8 (gia súc, gia cầm sống, cá, thịt, sữa, rau quả tươi, sơ chế, hạt, mật ong...).

*Triển độ cắt giảm của các nước:*

**- Trung quốc và ASEAN 6**

Nhóm TS	1/1/ 2004	1/1/ 2005	1/1/ 2006
- Nhóm 1 (> 15%)	10%	5%	0%
- Nhóm 2 (5% - 15%)	5%	0%	0%
- Nhóm 3 (< 5%)	0%	0%	0%

**- Việt nam:**

Nhóm TS	1/1/ 2004	1/1/ 2005	1/1/ 2006	1/1/ 2007	1/1/ 2008	1/1/ 2009	1/1/ 2010
- Nhóm 1 (> 30%)	20%	15%	10%	5%	0%	0%	0%
- Nhóm 2 (15% - 30%)	10%	10%	5%	5%	0%	0%	0%
- Nhóm 3 (<15%)	5%	5%	0-5%	0-5%	0%	0%	0%

Nhóm >30%: trứng gia cầm (40%), quả tươi các loại (40%).

Nhóm từ 15 -30%: thịt các loại (20%), cá (30%), sữa thành phẩm (20-30%), mật ong, rau tươi các loại (30%).

Nhóm < 15%: động vật sống (0-5%); các loại giống cây, con (0%); sữa nguyên liệu (10-15%).

**2. Chương trình cắt giảm thông thường:** (Thời điểm bắt đầu cắt giảm là 1/7/ 2005, áp dụng cho các hàng hoá còn lại)

Lộ trình của Trung quốc và ASEAN 6

Thuế suất MFN	Mức thuế suất trần			
	2005*	2007	2009	2010
X ≥ 20%	20	12	5	0
15% < X > 20%	15	8	5	0
10% < X > 15%	10	8	5	0
5% < X > 10%	5	5	0	0
X < 5%	Giữ nguyên			
			0	0

Lộ trình của Việt nam:

Thuế suất MFN	Mức thuế suất trần									
	05*	06	07	08	09	011	013	015**		
X ≥ 60%	60	50	40	30	25	15	10	0		
45% < X < 60%	40	35	35	30	25	15	10	0		
35% < X < 45%	35	30	30	25	20	15	5	0		
30% < X < 35%	30	25	25	20	17	10	5	0		
25% < X < 30%	25	20	20	15	15	10	5	0		
20% < X < 25%	20	20	15	15	15	10	0-5	0		
15% < X < 20%	15	15	10	10	10	5	0-5	0		
10% < X < 15%	10	10	10	10	8	5	0-5	0		
7% < X < 10%	7	7	7	7	5	5	0-5	0		
5% < X < 7%	5	5	5	5	5	5	0-5	0		
X < 5%	Giữ nguyên									
								0		

*Ghi chú: Hàng nông sản của ta tập trung chủ yếu vào 2 nhóm: (i) Sản phẩm thô (thóc, ngô, đậu tương, cà phê nhân, chè búp tươi, hồ tiêu nhân vv...) thường có thuế suất thấp là 5 – 10%. (ii) Nhóm nông sản chế biến (rau quả chế biến, cà phê hoà tan, chè túi nhúng, thịt chế biến, gạo, đường vv...) đều có thuế suất cao là 40 – 50%*



**Phụ lục 6 : Dự thảo**

**Chương trình hành động sau khi gia nhập WTO giai đoạn 2006-2010**

<b>STT (1)</b>	<b>Cam kết gia nhập WTO (2)</b>	<b>Kiến nghị hành động (3)</b>	<b>Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện (4)</b>	<b>Thời gian và nguồn kinh phí hỗ trợ (5)</b>
1.	<p><b>Tuyên truyền nâng cao hiểu biết và năng lực cho cán bộ công chức trong ngành:</b></p> <p>-Tuyên truyền phổ biến những cam kết trong ngành nông nghiệp và PTNT.</p> <p>- Nâng cao kỹ năng đàm phán và tham gia các hội nghị, cuộc họp liên quan đến nông nghiệp.</p> <p>- Bồi dưỡng kiến thức trong các trường quản lý kinh tế của ngành.</p>	<p>- Phối hợp với Bộ Thương mại phổ biến thông báo những cam kết trong lĩnh vực nông nghiệp (Hiệp định Nông nghiệp, Hiệp định SPS) cho cán bộ công chức trong ngành (TW, địa phương, Hiệp hội và doanh nghiệp) tại các thành phố lớn Hà Nội, Đà Nẵng, TP.Hồ Chí Minh.</p> <p>- Tham gia các khoá đào tạo để nâng cao kỹ năng trong đàm phán, cập nhật diễn biến của Vòng đàm phán Doha về nông nghiệp. Tham gia các cuộc họp Ủy ban Nông nghiệp, Ủy ban SPS; tổ chức UPOV và Cites.</p> <p>- Xây dựng giáo trình và bồi dưỡng kiến thức cho giáo viên và học sinh tại các trường quản lý kinh tế trong ngành nông nghiệp.</p>	<p>- Vụ Hợp tác Quốc tế chủ trì và Vụ kế hoạch.</p> <p>- Vụ Hợp tác Quốc tế, Vụ Kế hoạch, Văn phòng SPS, UPOV, Cites (cán bộ trực tiếp đàm phán và làm việc tại các Văn phòng.)</p> <p>- Vụ Tổ chức Cán bộ và trường quản lý kinh tế trong Bộ.</p>	<p align="center"><b>Từ Quý I/2007</b></p> <p>Nguồn kinh phí hỗ trợ của Chính phủ và của các dự án hỗ trợ kỹ thuật quốc tế.</p>

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2.	<p><b>Thực hiện cam kết Hiệp định Nông nghiệp (AoA)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cam kết về thuế, phi quan thuế, hỗ trợ trong nước và trợ cấp xuất khẩu theo quy định WTO.</li> <li>- Tiến hành các đề tài nghiên cứu trong nông nghiệp và nông thôn.</li> <li>- Xây dựng Chương trình xúc tiến thương mại, đầu tư của ngành (2006-2010)</li> <li>- Xây dựng Chương trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Rà soát bổ sung và sửa đổi hệ thống chính sách, các quy định, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chính sách trong nông nghiệp gồm: thuế , phi thuế, hỗ trợ trong nước, trợ cấp xuất khẩu đảm bảo phù hợp với quy định của WTO. Đồng thời, đề xuất phương án điều chỉnh trình Chính phủ.</li> <li>- Nghiên cứu tác động việc thực hiện cam kết sau khi gia nhập WTO và kết thúc Vòng đàm phán Doha đến ngành nông nghiệp (tác động về kinh tế, xã hội, nông thôn, nghèo đói, doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành nông nghiệp).</li> <li>- Nghiên cứu ảnh hưởng của các FTA đối với ngành nông nghiệp mà Việt Nam tham gia.</li> <li>- Phối hợp với Bộ Thương mại và Bộ Kế hoạch đầu tư xây dựng Chương trình xúc tiến thương mại và đầu tư của ngành nông nghiệp PTNT.</li> <li>- Xây dựng chương trình hỗ trợ ngành, doanh nghiệp chuyển đổi cơ cấu hoặc chuyên hướng sản xuất kinh doanh..</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vụ Kế hoạch chủ trì, Vụ pháp chế và các Cục chuyên ngành.</li> <li>- Vụ Hợp tác Quốc tế chủ trì, Vụ Kế hoạch , và Viện Chiến lược nông nghiệp và PTNT.</li> <li>- Vụ Kế hoạch chủ trì phối hợp với Vụ HTQT</li> <li>- Ban đổi mới và quản lý doanh nghiệp nông nghiệp phối hợp với Vụ TCCB và các đơn vị trong Bộ.</li> </ul>	<p><b>Từ Quý I/2007</b></p> <p>Kiến nghị nhà nước hỗ trợ các dự án về giống cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ lãi xuất tín dụng đầu tư cho dự án chế biến, bảo quản nông sản và các dự án công nghiệp phụ trợ (bao bì, kho lạnh, phương tiện vận chuyển...).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước và huy động nguồn tài trợ nước ngoài.</li> </ul> <p>Như trên</p>

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<p>3.</p>	<p><i>Thực hiện cam kết Hiệp định Vệ sinh ATTP, kiểm dịch động thực vật (SPS)</i></p> <p>Xây dựng Chương trình hành động thực hiện Hiệp định SPS:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Minh bạch hóa các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (SPS)</li> <li>- Phân tích quản lý nguy cơ dịch bệnh (Risk analysis and management) trên cơ sở khoa học.</li> <li>- Hải hòa hóa các tiêu chuẩn quốc tế (OIE, IPPC, Codex)</li> <li>- Đảm bảo tính tương đương</li> <li>- Kiểm tra, kiểm soát, chứng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng Chương trình hành động quốc gia về SPS.</li> <li>- Xây dựng cơ sở dữ liệu về các thông báo SPS trong và ngoài nước.</li> <li>- Tăng cường trang thiết bị cho các điểm hỗ trợ kỹ thuật thuộc mạng lưới SPS.</li> <li>- Tuyên truyền, phổ biến về Hiệp định SPS cho các cơ quan, doanh nghiệp</li> <li>- Xây dựng quy trình phân tích rủi ro đối với dịch hại trên động, thực vật</li> <li>- Xây dựng cơ sở dữ liệu về đánh giá rủi ro</li> <li>- Tiến hành phân tích rủi ro đối với hàng nông sản nhập khẩu</li> <li>- Rà soát sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật và hệ thống tiêu chuẩn về SPS đảm bảo phù hợp với quy định quốc tế</li> <li>- Tham gia vào quá trình xây dựng các tiêu chuẩn quốc tế về SPS</li> <li>- Xây dựng quy trình đánh giá tính tương đương của các biện pháp SPS</li> <li>- Đào tạo kỹ năng đàm phán về tương đương.</li> <li>- Đàm phán, ký kết hiệp định công nhận tương đương về SPS với các nước.</li> <li>- Rà soát thủ tục kiểm tra, thanh tra và chứng nhận đảm bảo mức độ bảo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vụ Hợp tác Quốc (Văn phòng SPS) chủ trì, Vụ Pháp chế và các Cục chuyên ngành thuộc Bộ: Y tế, Thủy Sản, Công nghiệp, Khoa học Công nghệ, Tài nguyên Môi trường và Bộ Thương mại tropng Tô Công tác liên Bộ về SPS.</li> <li>- Cục Thú y, cục Bảo vệ thực vật chủ trì phối hợp với Vụ Khoa học Công nghệ.</li> <li>- Vụ Khoa học Công nghệ chủ trì, và Cục Thú y, Cục Bảo vệ thực vật</li> <li>- Cục Thú y, Cục Bảo vệ thực vật và Vụ Hợp tác Quốc tế</li> <li>- Cục Thú y và Cục Bảo vệ thực vật.</li> </ul>	<p><b>Từ Quy I/2007</b></p> <p>Hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước và huy động nguồn tài trợ nước ngoài.</p> <p><b>Từ Quy I/2007</b></p> <p>Hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước và huy động nguồn tài trợ nước ngoài.</p>

<p>nhận</p>	<p>về thích hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng chương trình điều tra, giám sát dịch hại.</li> <li>- Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật: khu cách ly, thiết bị kiểm tra, kiểm dịch</li> <li>- Đào tạo cán bộ về kiểm tra, kiểm soát</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gia nhập Công ước UPOV về giống cây trồng mới và tham gia các cuộc họp của tổ chức này như đã nêu ở phần trên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cục Trồng trọt (Văn phòng Giống cây trồng mới) và Vụ Hợp tác Quốc tế.</li> </ul>
<p>4.</p> <p><i>Tham gia Công ước UPOV- Giống cây trồng mới.</i></p>			